

CHÍNH PHỦ
Số: 97/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

**Quy định chi tiết thi hành Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt
và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá VIII thông qua ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX thông qua ngày 05 tháng 7 năm 1993; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 1. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế (dưới đây gọi chung là cơ sở) có sản xuất, nhập khẩu các mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt đều thuộc đối tượng nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

Điều 2. Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt một lần. Nguyên tắc này được áp dụng cụ thể như sau:

1. Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán những mặt hàng này chỉ phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt mà không phải nộp thuế doanh thu khâu sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất có tổ chức chi nhánh, cửa hàng tiêu thụ sản phẩm thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tại nơi sản xuất và nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh thương nghiệp tại chi nhánh, cửa hàng nơi tiêu thụ sản phẩm.

Cơ sở sản xuất khi nộp thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp ở khâu trước (nếu có).

2. Cơ sở nhập khẩu mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu và nộp thuế doanh thu khi bán hàng.

Điều 3. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt nếu xuất khẩu, nhập khẩu không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt trong các trường hợp sau đây:

- Hàng hoá do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu, hoặc trực tiếp gia công cho nước ngoài.
- Hàng hoá do cơ sở sản xuất bán hoặc uỷ thác cho cơ sở kinh doanh trực tiếp xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế và giấy phép xuất khẩu.

Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của cơ sở sản xuất để xuất khẩu, nhưng không xuất khẩu mà đem bán trong nước thì ngoài việc phải nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh thương nghiệp, còn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt.

3. Hàng viện trợ không hoàn lại.

4. Hàng nhập khẩu thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ do Chính phủ quy định phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia.

5. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt chuyển khẩu, vận chuyển quá cảnh hoặc mượn đường qua cửa khẩu biên giới Việt Nam trên cơ sở hiệp định đã ký kết giữa hai Chính phủ hoặc ngành, địa phương được Thủ tướng Chính phủ cho phép đã làm đầy đủ thủ tục hải quan.

6. Hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tạm nhập để tái xuất (kể cả hàng dự hội chợ triển lãm), nếu thực tái xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế quy định (30 ngày) thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái xuất. Nếu quá thời hạn trên thì phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt phần chưa xuất khẩu và được hoàn lại thuế tiêu thụ đặc biệt tương ứng với số hàng thực tái xuất khẩu.

7. Hàng là vật tư, nguyên liệu nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt để sản xuất hàng xuất khẩu, nếu thực tế có hàng xuất khẩu trong thời hạn nộp thuế (90 ngày) thì không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với số vật tư, nguyên liệu nhập khẩu tương ứng với số hàng thực tế xuất khẩu. Nếu quá thời hạn nộp thuế (trên 90 ngày) thì phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt. Khi có hàng thực tế xuất khẩu thì sẽ được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp cho số vật tư, nguyên liệu tương ứng với số hàng thực tế xuất khẩu.

Riêng vật tư, nguyên liệu nhập khẩu để gia công cho nước ngoài được miễn thuế.

8. Hành lý mang theo trong tiêu chuẩn xuất nhập cảnh theo quy định của Chính phủ.

Đối với hàng nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt chỉ thu đối với hàng thực nhập khẩu. Trường hợp kê khai nhiều hơn số hàng hoá thực nhập khẩu thì được hoàn lại số thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp cho số hàng hoá kê khai nhiều hơn thực nhập.

Các trường hợp khác, ngoài các trường hợp không phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt nêu trên đều phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khi nhập khẩu, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

CHƯƠNG II

CĂN CỨ TÍNH THUẾ VÀ BIỂU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Điều 4. Căn cứ tính thuế đối với hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là số lượng hàng hoá, giá tính thuế đơn vị hàng hoá và thuế suất.

Điều 5. Số lượng hàng hoá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được quy định như sau:

- 1. Đối với hàng sản xuất trong nước là số lượng, trọng lượng hàng hoá tiêu thụ bao gồm cả số lượng, trọng lượng của mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt xuất ra để bán, để trao đổi, để biếu tặng người khác hoặc tiêu dùng sinh hoạt nội bộ của cơ sở.
- 2. Đối với hàng nhập khẩu là số lượng, trọng lượng ghi trong tờ khai hàng hoá nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân có hàng nhập khẩu.

Điều 6. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt:

- 1. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng sản xuất trong nước là giá do cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán ra tại nơi sản xuất chưa tính thuế tiêu thụ đặc biệt.

Đối với hàng gia công, hàng đem biếu tặng, hàng tiêu dùng nội bộ, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của mặt hàng cùng loại hoặc của mặt hàng tương đương.

Đối với cơ sở sản xuất nộp thuế trên cơ sở khoán số lượng hàng hoá sản xuất tiêu thụ thì cơ quan thuế tỉnh, thành phố căn cứ vào giá cả thị trường để xác định giá bán và giá tính thuế.

- 2. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng (+) thuế nhập khẩu. Đối với các trường hợp hàng nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các mặt hàng này vẫn tính đủ yếu tố thuế nhập khẩu.

Điều 7. Mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt thực hiện theo biểu sau:

TT	Mặt hàng	Thuế xuất (%)
1	Thuốc hút	70

	a. Thuốc lá điếu có đầu lọc SX chủ yếu bằng nguyên liệu NK b. Thuốc lá điếu có đầu lọc SX chủ yếu bằng nguyên liệu trong nước c. Thuốc lá điếu không có đầu lọc, xì gà sản xuất trong nước d. Thuốc lá điếu, xì gà nhập khẩu	52 32 70
2	Rượu a. Rượu thuốc b. Các loại rượu khác (kể cả cồn etilic) - Trên 40 ⁰ - Từ 30 ⁰ đến 40 ⁰ - Dưới 30, kể cả rượu hoa quả	15 90 75 25
3	Bia các loại - Riêng bia hộp	90 75
4	Các loại pháo hoa, pháo hiệu, pháo mưa, pháo hiệu sương mù... (trừ pháo nổ)	100
5	Ô tô nhập khẩu (kể cả dạng SKC) - Ô tô loại từ 5 chỗ ngồi trở xuống - Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi - Ô tô từ 16 đến 24 chỗ ngồi và các loại ô tô, xe cộ khác thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng, xe lam	100 60 30
6	Xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	15

1. Thuốc lá điếu có đầu lọc, sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu là loại thuốc lá sử dụng nguyên liệu sợi thuốc nhập khẩu từ 51 % trở lên so với nguyên liệu sợi thuốc cần dùng cho sản phẩm đó.

2. Mặt hàng rượu, bia, pháo (trừ pháo nổ), xăng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bao gồm cả hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu.

3. Rượu thuốc chịu thuế suất 15 % phải có đăng ký sản phẩm và giấy phép hoạt động của cơ sở sản xuất do Bộ Y tế cấp. Nếu không đủ những điều kiện này thì nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo thuế suất của loại rượu có độ tương ứng.

4. Ô tô và các loại xe cộ khác nhập khẩu (nguyên chiếc và dạng SKD) chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là loại nằm trong nhóm hàng mã số 8703 Biểu thuế nhập khẩu hiện hành.

Bộ Tài chính bàn thống nhất với các ngành liên quan, quy định chi tiết các mặt hàng cụ thể chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc nhóm "xăng các loại, napta (naphtha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng".

CHƯƠNG III

ĐĂNG KÝ, KÊ KHAI NỘP THUẾ VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG HOÁ

Điều 8. Cơ sở sản xuất, nhập khẩu mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt phải kê khai đăng ký với cơ quan thuế về vốn, lao động, mặt hàng, địa điểm sản xuất kinh doanh chậm nhất là năm ngày, trước khi bắt đầu hoạt động hoặc sáp nhập, phân chia, thay đổi địa điểm. Trường hợp giải thể hoặc thay đổi kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế chậm nhất là 5 ngày trước khi giải thể hoặc thay đổi kinh doanh.